

Số: 462/BC-UBND

Kiên Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

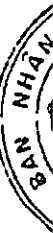
Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Thực hiện Công văn số 3264/BKH-CN ngày 16/11/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017; Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình thực hiện, như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Năm 2020, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020 của tỉnh, quyết định đối với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra; vừa là năm tiến hành đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ nền kinh tế; thời tiết diễn biến bất thường, hạn hán, xâm nhập mặn xuất hiện sớm và sâu ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống Nhân dân. Song, với quyết tâm, nỗ lực của toàn Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, cùng với sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương, tỉnh đã thực hiện có hiệu quả “mục tiêu kép” của Chính phủ, vừa triển khai quyết liệt các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19, vừa phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) theo các văn bản của Trung ương và địa phương, kết quả đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Song song đó, để thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc CMCN 4.0 và Chương trình số 01-CTr/TU ngày 07/12/2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 18/3/2021, chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0 trên địa bàn tỉnh nhằm đề cấp ủy, chính quyền, các sở, ban,



ngành, địa phương của tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao, đảm bảo chủ động nắm bắt cơ hội, triển khai các giải pháp thiết thực nhằm tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc CMCN 4.0 đem lại để đẩy nhanh tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân; đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái gắn với thực hiện các khâu, nhiệm vụ đột phá phục vụ phát triển KT-XH của tỉnh. Đồng thời, chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện có kế hoạch, chương trình,... triển khai thực hiện phù hợp với thực tiễn của địa phương, đơn vị gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo quản lý nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền quan điểm, mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung, phương thức tiếp cận CMCN 4.0 đến cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và người dân trên địa bàn tỉnh; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của đơn vị; gắn mục tiêu, nhiệm vụ tham gia cuộc CMCN 4.0 với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH.

Đa dạng hóa, không ngừng đổi mới các hình thức tuyên truyền, phổ biến; sử dụng và phát huy hiệu quả mạng xã hội, các kênh tuyên truyền trên mạng Internet, các cơ quan báo, đài tại địa phương để nâng cao nhận thức của xã hội về chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0, thông tin về cơ hội, thách thức từ cuộc CMCN 4.0 mang lại; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thông tin tuyên truyền; ứng dụng công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở, chủ động, kịp thời cung cấp thông tin thiết yếu và tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân;

Xác định nội dung cốt lõi khi tham gia cuộc CMCN 4.0 là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các lĩnh vực; thúc đẩy chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh, hướng tới chính quyền số; xác định người dân và doanh nghiệp là chủ thể quyết định tham gia cuộc CMCN 4.0, các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao trong tất cả các lĩnh vực đều hướng đến tạo môi trường thuận lợi và hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm các đối tượng này.

Chỉ đạo các ngành chuyên môn tổ chức lớp tập huấn “Nhận diện mạng xã hội trong thời đại 4.0” tổ chức 16 lớp trong năm 2021, 01 lớp cấp tỉnh với số lượng 400 người tham dự và 01 lớp cho đối tượng là học sinh Trường Phổ thông Dân tộc nội trú trung học phổ thông tỉnh Kiên Giang, tổng số 420 người tham dự; phối hợp triển khai tập huấn về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng với tổng số 64 người tham dự; nâng cao nhận thức giáo viên các trường trung học, cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh về chuyển đổi số với hơn 400 đại biểu.

Qua đó, tư duy, nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp địa phương về những lợi ích mang lại từ cuộc CMCN 4.0 đối với phát triển ngành, kinh tế - xã hội địa phương đã được nâng lên rõ rệt.

Trong thời gian qua, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện, cụ thể như: Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07/12/2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU; Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Danh mục sản phẩm công nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025; Thực hiện Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 23/02/2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ chỉ tiêu giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2021; Kế hoạch thay thế Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh, đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp niên khóa 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; lao động có tay nghề làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Phê duyệt Dự án đầu tư ngành, nghề trọng điểm Trường Cao đẳng Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn; lao động làm việc trong khu, cụm công nghiệp và du lịch; lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt định mức chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn; lao động làm việc trong khu, cụm công nghiệp và du lịch; lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Ngoài ra, các sở, ban, ngành cấp tỉnh đều cụ thể hóa thành kế hoạch riêng trong thực hiện Kế hoạch số 55/KH-UBND của UBND tỉnh.

2. Kết quả thực hiện mục tiêu, quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 50/NQ-CP

2.1. Vận dụng cơ chế, chính sách nhằm tạo thuận lợi cho chủ động tham

gia cuộc CMCN 4.0 và quá trình chuyển đổi số

Vận dụng tốt các cơ chế, chính sách trong hoàn thiện mô hình Đô thị thông minh Phú Quốc vận hành hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành UBND thành phố, cũng như hỗ trợ nhu cầu của người dân, du khách khi đến với địa phương. Cụ thể:

- Hệ thống Wifi thông minh ghi nhận hàng tháng có từ 90.000 đến 150.000 lượt kết nối.

- Hệ thống giám sát thông minh với 50 camera được tích hợp tại Trung tâm giám sát Công an thành phố Phú Quốc kết hợp với giải pháp thành phố an toàn và tổng đài tiếp nhận 19001011 thông qua các ứng dụng: Ứng dụng di động cho người dân (Safe City), Công thông tin tiếp nhận sự cố từ ứng dụng di động, Ứng dụng tiếp nhận sự cố và quản lý điều động, Ứng dụng tiếp nhận thông tin điều động dành cho các lực lượng chức năng. Đồng thời, triển khai Ứng dụng phân tích hình ảnh thông minh cho 05 camera tại các khu vực công cộng, khu dân cư trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự như: 01 camera giám sát đọc biển số xe tham gia giao thông; 02 camera giám sát phát hiện xâm nhập, phát hiện chuyển động; 01 camera giám sát vật thể bị gỡ bỏ, vật thể khả nghi; 01 camera phát hiện ô tô dừng đỗ sai quy định.

- Hiện nay, trên địa bàn thành phố Phú Quốc có 985 cơ sở ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (tăng 93 cơ sở so với năm 2019). Riêng lĩnh vực lưu trú có 750 cơ sở kinh doanh, trong đó có 525 cơ sở kinh doanh đăng ký khai báo lưu trú trực tuyến đối với người Việt Nam, 727 cơ sở đăng ký khai báo tạm trú cho người nước ngoài.

- Hệ thống giám sát môi trường với 04 trạm quan trắc không khí với các tham số không khí: SO₂, CO, NO₂, O₃, bụi: PM_{2.5}, PM₁₀ và nhiệt độ, độ ẩm, áp suất và 01 trạm quan trắc nguồn nước với các thông số: nhiệt độ, PH, DO, TSS, Nh₄. Hàng ngày, hệ thống sẽ tự động lấy mẫu sau mỗi giờ gửi về Trung tâm điều hành để phân tích, phục vụ việc theo dõi giám sát tình trạng môi trường không khí và môi trường nước tại Phú Quốc đưa ra những khuyến cáo phù hợp, đồng thời đưa ra cảnh báo khi các chỉ số vượt ngưỡng cho phép.

- Trang thông tin du lịch <https://dulich.phuquoc.gov.vn> và phiên bản ứng dụng “Phu Quoc - Kien Giang” trên 2 nền tảng Android và iOS đã có trên 110.000 lượt truy cập để khai thác, sử dụng và hơn 3.000 lượt cài đặt phần mềm.

2.2. Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu của CMCN 4.0

Trong thời gian qua, tỉnh đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới, ... đảm bảo thông tin, liên lạc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang có 08 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông. Tổng số thuê bao điện thoại ước đạt là 1.963.547 thuê bao, trong đó có 35.839 thuê bao điện thoại cố định và 1.927.708 thuê bao điện thoại di động, mật độ thuê bao điện thoại đạt 114 thuê bao/100 dân. Tổng số thuê bao truy cập Internet băng rộng cố định và di động

là 1.381.761 thuê bao, mật độ thuê bao đạt 80,2 thuê bao/100 dân. Tỷ lệ dân số được phủ sóng thông tin di động 4G đạt 96%. Chỉ đạo các sở, ngành chuyên môn phối hợp VNPT Kiên Giang, Viettel Kiên Giang tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông cho chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục, các cơ quan quản lý nhà nước,... Triển khai lập và thực hiện các đề án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025.

Trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin kết nối phục vụ hoạt động hành chính tại cơ quan nhà nước các cấp cơ bản đáp ứng yêu cầu và tiếp tục được quan tâm đầu tư. Toàn tỉnh có hơn 5200 máy tính đang hoạt động trong các cơ quan nhà nước cho mục đích công vụ. Hạ tầng trang thiết bị tại Trung tâm dữ liệu tỉnh đáp ứng khả năng vận hành và dự phòng khá tốt với hệ thống làm lạnh, chống sét, phòng cháy, chữa cháy, nguồn điện dự phòng,... Trung tâm có năng lực xử lý đồng thời hơn 200 máy chủ ảo, với khả năng lưu trữ khoảng 360 TB, công nghệ ảo hóa tiên tiến cùng các trang thiết bị đảm bảo an toàn thông tin, sao lưu dự phòng dữ liệu. Quá trình vận hành trong năm 2021 cơ bản đảm bảo hoạt động an toàn 24/7, khả năng đáp ứng tốt các nhiệm vụ về hạ tầng phục vụ phát triển Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số các cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang từ nay đến năm 2025, thích ứng kịp thời trong tiến trình của Cách mạng công nghiệp 4.0.

Vận hành hiệu quả Trung tâm Giám sát an toàn, an ninh mạng và điều hành các hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang và theo dõi an ninh mạng cho hơn 5000 máy trạm của cán bộ, công chức, kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia nhằm thực hiện theo dõi, giám sát và đảm bảo an toàn thông tin các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh Kiên Giang trên mô hình 4 lớp theo chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Thời gian qua, trong quá trình theo dõi, giám sát công tác đảm bảo an toàn thông tin của Trung tâm dữ liệu tỉnh, hàng năm đã phát hiện và ngăn chặn kịp thời hơn 1.000 cuộc tấn công có chủ đích, mức độ nguy hiểm cao vào hệ thống. Việc triển khai Trung tâm SOC còn giúp người dân có thể phản ánh mọi vấn đề bất cập của đô thị một cách kịp thời thông qua ứng dụng trên thiết bị di động và giúp chính quyền đô thị tiếp nhận, giải quyết các bất cập nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Tập hợp và thống kê các số liệu kinh tế, xã hội của tỉnh, hỗ trợ cho lãnh đạo trong việc chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Nguồn dữ liệu sẽ được tích hợp, chia sẻ với các ngành Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thuế, Hải quan, Thống kê, hệ thống điều hành giám sát, hoạt động 24/7 để chủ động phòng chống nguy cơ mất an toàn thông tin và chủ động phòng vệ, phản ứng trước các cuộc tấn công mạng theo đúng tinh thần Chỉ thị số 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng đang triển khai thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 04/02/2021 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02/10/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ

thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; ban hành Danh mục sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và các chính sách hỗ trợ để thúc đẩy phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực theo Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 21/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.3. Vận dụng chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cán bộ hội nông dân, thành viên hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp, doanh nghiệp mới thành lập, cá nhân có nhu cầu khởi sự doanh nghiệp; phổ biến kiến thức môi trường kinh doanh, tiếp cận thị trường theo xu thế hội nhập quốc tế nhằm nâng cao năng lực khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bồi dưỡng kiến thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên; tổ chức nhiều diễn đàn, hội thảo khởi nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả chuyên đề hoạt động khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ, khởi nghiệp trong thanh niên, học sinh, sinh viên. Phối hợp với Hội đồng Tư vấn Hỗ trợ khởi nghiệp Quốc gia phía Nam tổ chức 01 khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho 29 sinh viên. Đồng thời, huấn luyện các kỹ năng cần thiết chuẩn bị thi khởi nghiệp cho sinh viên trong năm 2021 và tổ chức 01 cuộc giao lưu với doanh nhân, chủ đề “Hạn chế rủi ro để khởi nghiệp thành công” lần thứ I - 2020 với hơn 500 sinh viên, đại biểu doanh nhân trong và ngoài tỉnh tham dự.

Hỗ trợ, khuyến khích khởi nghiệp: Hỗ trợ kinh phí cho các trường trung học phổ thông và trung học cơ sở để tổ chức hoạt động trải nghiệm; phát động và tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã thu hút đông đảo học sinh, sinh viên, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và nhóm cá nhân khởi nghiệp tham gia với nhiều ý tưởng/dự án dự thi; gửi nhiều ý tưởng dự án tham dự cuộc thi khởi nghiệp các cấp. Năm 2020 có 01 dự án vào Top 20 cuộc thi Khởi nghiệp Quốc gia, 01 dự án được chọn tham gia vòng chung kết cấp Quốc gia, kết quả tham gia vòng bán kết khu vực Tây Nam Bộ cuộc thi Startup Kite năm 2020 do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức (01 dự án đạt giải nhất, 01 dự án đạt giải nhì và 02 dự án đã đạt giải khuyến khích. Bên cạnh đó, tạo điều kiện cho học sinh tham gia cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp năm 2020” (SV.STARTUP-2020) do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; tham gia gian hàng về sản phẩm của 02 dự án tham gia vòng chung kết tại “Ngày hội Khởi nghiệp quốc gia học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp năm 2020” tại Thành phố Hồ Chí Minh, sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ do thanh niên trực tiếp kinh doanh, sản xuất, trồng trọt và chăn nuôi; tuyên dương 26 gương thanh niên tiêu biểu khởi nghiệp, lập nghiệp. Thành lập không gian ý tưởng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên với tên gọi là “Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp KGC” trực thuộc Trường Cao đẳng Kiên Giang (Quyết định thành lập số 364/QĐ-CĐKG ngày 16/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kiên Giang). Hỗ trợ Trung tâm về cơ sở vật chất tại không gian khởi nghiệp và hỗ trợ một phần kinh phí cho hội thi “Ý tưởng khởi sáng tạo khởi nghiệp KGC”, kinh

phí tổ chức hội thảo và tập huấn về nội dung khởi nghiệp cho cán bộ, giảng viên và học sinh, sinh viên.

2.4. Phát triển nguồn nhân lực thích ứng với yêu cầu cuộc CMCN 4.0

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ứng dụng thành tựu CMCN 4.0 trên địa bàn toàn tỉnh.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã chỉ đạo hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm, tư vấn học nghề, tư vấn xuất khẩu lao động,... cho người lao động và học sinh, sinh viên: 01 phiên tại huyện Hòn Đất (có 770 lao động tham gia); 01 phiên cho học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (có 1.135 học sinh, sinh viên tham gia); 01 phiên tại Giồng Riềng; 01 phiên tại Gò Quao và một phiên giao dịch việc làm trực tuyến khu vực ĐBSCL và các tỉnh, thành phố lân cận đợt 1 năm 2021 với kết quả đạt được như sau: số doanh nghiệp tham gia là 07 doanh nghiệp với 3.350 vị trí tuyển dụng, số người lao động tham gia là 70 người, số lao động được phỏng vấn trực tiếp là 70 người, số lao động tìm được việc làm là 30 người, số lao động đăng ký đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 08 người.

Ước tính đến hết tháng 12 năm 2021, tỉnh đã giải quyết việc làm cho 33.860 lượt lao động, trong đó: Trong tỉnh 20.639 lượt lao động, ngoài tỉnh 13.221 lượt lao động và toàn tỉnh tuyển sinh, đào tạo được 21.250 sinh viên, học sinh, học viên; trong đó: Cao đẳng 1.432 sinh viên, trung cấp 3.282 học sinh, sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng là 16.536 học viên.

2.5. Phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên

Đã tập trung triển khai nhiều nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong ứng dụng thành tựu của cuộc CMCN 4.0 như nghiên cứu sản xuất hệ thống IoT phục vụ nuôi trồng thủy sản; ứng dụng IoT vào thực tiễn quản lý, sản xuất, ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi tôm Semi-biofloc, Biofloc,... năng suất tôm từ 10 - 12 tấn/ha tăng lên 30 - 50 tấn/ha, thực hiện nhiều điểm trình diễn, chuyển giao quy trình nuôi tôm 2 giai đoạn trong ao lót bạt cho người dân, có sử dụng chế phẩm sinh học (EM, Probiotic, Prebiotic) để xử lý môi trường ao nuôi tôm một cách rộng rãi thay cho việc xử lý bằng hóa chất, sử dụng các loại chế phẩm sinh học bổ sung men đường ruột để hỗ trợ tiêu hóa giảm hệ số thức ăn, nâng cao sức đề kháng phòng trừ dịch bệnh. Ngoài ra, trên địa bàn một số huyện cũng đã hình thành và phát triển các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh về công nghệ sinh học trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm hữu cơ sinh học (phân bón, chế phẩm sinh học, thực phẩm chức năng, sản phẩm tiêu dùng,...) đã mang lại hiệu quả kinh tế cao như Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp Kiên Giang, Công ty TNHH Thanh Xuân (Nhà máy Phân bón Đại Nông Kiên Giang), Công ty Cổ phần Thiên Giang, Công ty Cổ phần Nông trại sinh thái ECOFARM, Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại HPQ Phú Quốc, Công ty TNHH MTV Thái Lan fram, Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Trung An Kiên Giang, Công ty Cổ phần Trung Sơn,... Trong lĩnh vực y - dược, ứng dụng công nghệ sinh học

trong dự phòng và điều trị có bước phát triển, góp phần nâng cao năng lực kiểm soát dịch bệnh, khả năng chẩn đoán phát hiện bệnh tật sớm và điều trị hiệu quả. Để bảo tồn các nguồn dược liệu quý, tỉnh đã nghiên cứu và triển khai các dự án bảo tồn, trồng mật nhân, hà thủ ô, kim thất, thiên niên kiện, dây gấm, ngọc nữ biển, giao cổ lam, tuế lược, lộc vùng, nấm linh chi,... và phát triển sản phẩm từ các loại dược liệu như nấm linh chi, bí kỳ nam. Định hướng ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, mô hình nông nghiệp công nghệ cao thực hiện trên cây dược liệu như: nuôi cấy invitro để tạo ra nguồn giống cũng như các sản phẩm sạch, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.

Hiện nay, 100% các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khám, chữa bệnh, thanh quyết toán BHYT, thanh toán viện phí được nhanh chóng, thuận lợi, hiệu quả. Các bệnh viện trên địa bàn tiếp tục triển khai Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn quy trình khám bệnh tại khoa khám bệnh của bệnh viện, Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn và Quyết định số 6111/QĐ-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại trạm y tế xã, phường, thị trấn giai đoạn 2018 - 2020,... để từ đó nâng cao chất lượng quản lý, điều hành các cơ sở y tế, khám chữa bệnh, giảm thủ tục, thời gian chờ đợi của người dân với nhiều giải pháp như cải tạo khoa khám bệnh, lắp đặt hệ thống phát số tự động, ứng dụng các phần mềm quản lý khám chữa bệnh cho việc vận hành hoạt động các cơ sở y tế, đồng bộ về thông tin, thao tác trên môi trường điện tử một cách thuận lợi, hiệu quả, nhanh chóng.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cũng được các ngành quan tâm đầu tư, chú trọng góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phù hợp với tình hình phòng, chống dịch Covid-19, đặc biệt là việc đẩy mạnh ứng dụng mô hình đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến trong thời gian giãn cách xã hội. Tỉnh cũng đang nghiên cứu triển khai mô hình trường học thông minh. Theo đó, các trường được đầu tư thí điểm hệ thống phòng họp - đào tạo trực tuyến, hệ thống sẽ đảm nhận chức năng tổ chức họp, giao ban, tham gia các lớp đào tạo từ xa, hệ thống bao gồm điểm cầu trung tâm đặt tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang và các điểm cầu nhánh đặt tại các trường học. Điểm cầu trung tâm gồm máy chủ hội nghị, máy chủ ứng dụng và lưu trữ, hệ thống camera, bộ giải mã, và hệ thống âm thanh, bộ lưu điện và các máy tính phục vụ đào tạo trực tuyến. Hệ thống “Phòng học kết nối” được đầu tư màn hình tương tác cho phép giáo viên dạy học bằng giáo trình điện tử, hệ thống âm thanh di động để hỗ trợ cho giáo viên và một camera hỗ trợ việc giám sát an toàn, an ninh trường học cũng như dự giờ từ xa. Hệ thống thư viện điện tử được xây dựng bao gồm hệ thống máy chủ ứng dụng và máy chủ dữ liệu được đặt tại trung tâm dữ liệu, tại phía các trường được đầu tư hệ thống phòng thư viện gồm các máy tính, bàn ghế và máy in, photo, các phòng thư viện của trường được nối với hệ thống máy chủ thông qua Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin. Dự kiến

sẽ có hơn 100 phòng học kết nối, đa năng; 09 hệ thống họp và đào tạo trực tuyến, 09 thư viện điện tử sẽ được triển khai trong thời gian tới.

Việc đưa vào vận hành các trạm quan trắc tự động là một trong những nỗ lực vượt bậc trong việc bảo vệ nguồn tài nguyên môi trường, phục vụ sản xuất. Bởi trước đây, khi chưa có hệ thống quan trắc tự động, các quan trắc viên chỉ có thể quan trắc tại một thời điểm nên không thể đưa ra những đánh giá chính xác về diễn biến của môi trường tại từng khu vực. Với hệ thống hiện tại thì vừa tiết kiệm được nhân lực, phương tiện, mà các số liệu chuyển về hệ thống trung tâm cũng chính xác và kịp thời hơn rất nhiều. Cùng với xu hướng phát triển và với những yêu cầu trong giai đoạn mới đối với hoạt động quan trắc môi trường, thời gian tới Kiên Giang tiếp tục triển khai mở rộng nhiều dự án tự động hóa hoạt động quan trắc môi trường. Bên cạnh đó là việc ứng dụng công nghệ mới, hiện đại trong hoạt động quan trắc, truyền dữ liệu, phân tích, xử lý số liệu,... Điều này không chỉ giúp cho công tác giám sát, phòng dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản một cách hiệu quả mà còn góp phần bảo vệ môi trường tỉnh nhà. Hệ thống được đầu tư từ năm 2017 với các hạng mục: Trung tâm điều hành tiếp nhận, xử lý số liệu: 01 trung tâm; Trạm quan trắc nước nuôi trồng thủy sản kết hợp quan trắc chất lượng nước xả thải khu công nghiệp, cảng cá, nước thải dân sinh: 02 trạm; Trạm quan trắc nước biển nuôi cá lồng bè: 02 trạm; Trạm quan trắc nước sông nuôi tôm: 03 trạm; Hệ thống hiển thị thông tin quan trắc môi trường: 07 hệ thống. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quan trắc môi trường tự động, giám sát dịch bệnh để kịp thời cảnh báo, hướng dẫn, chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm hạn chế thiệt hại trong nuôi trồng thủy sản góp phần thực hiện đạt chỉ tiêu diện tích, sản lượng nuôi trồng thủy sản kết hợp công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.

Tận dụng công nghệ hỗ trợ phát triển du lịch cũng là một trong những giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả các điều kiện, tiềm năng và thế mạnh trên địa bàn để phát triển du lịch, sớm đưa tỉnh Kiên Giang trở thành một trung tâm du lịch khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng một hệ sinh thái du lịch hiện đại là một trong các mục tiêu mà đề án tổng thể phát triển đô thị thông minh tỉnh Kiên Giang đã đề ra. Triển khai hoàn thiện hệ thống website quảng bá du lịch tích hợp video thực tế ảo quảng bá hình ảnh du lịch, hệ thống mua vé trực tuyến, ứng dụng di động (Mobile App) và các hoạt động quảng bá hình ảnh du lịch. Đây là nội dung cần thiết, mô hình du lịch thông minh trên cơ sở một nền tảng tích hợp các ứng dụng công nghệ thông tin, các thiết bị IoT, sẽ mang lại nhiều tiện ích cho cả nhà quản lý, du khách và doanh nghiệp - đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực này qua các giao dịch, phản hồi từ khách du lịch, đối tác bằng con đường điện tử tại tỉnh được đẩy mạnh sẽ góp phần to lớn trong việc thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra của tỉnh như tăng cường thu hút du khách, thu hút đầu tư nước ngoài.

Bước đầu thực hiện đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” tỉnh giai đoạn đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

2.6. Hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Trong thời gian qua, tỉnh đã tăng cường hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương cũng như trong tương lai. Đã phối hợp thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng tại tỉnh Kiên Giang với các tổ chức nước ngoài như: Bộ Nghiên cứu và Giáo dục CHLB Đức, Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN), Tổ chức Wildlife At Risk (WAR), Hội Sứ quốc tế (ICF), Bảo tàng Hoàng gia Ontario-Canada, Bảo tàng thiên nhiên Paris-Pháp, Vườn thực vật Hoàng Gia Edinburgh-Scotland, Viện động vật Côn Minh thuộc Viện Hàn lâm khoa học Trung Quốc, Quỹ quốc tế về Bảo vệ thiên nhiên (WWF)-Malaysia, Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ), Liên minh Châu Âu,... Kết quả của các nhiệm vụ được các chuyên gia trong và ngoài nước đánh giá cao, đặc biệt là trong việc khôi phục rừng ngập mặn; hỗ trợ các mô hình kinh tế dân sinh trong lĩnh vực nông nghiệp có ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật,... Qua đó, các dự án đã góp phần nâng cao nhận thức và cải thiện sinh kế người dân cộng đồng dân cư, hạn chế được tình trạng khai thác, bảo tồn đa dạng sinh học, chống xói lở,... Bên cạnh đó, tăng cường các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong khuôn khổ hợp tác song phương, đa phương tại các viện, trường,... được triển khai khá tốt, Trường Đại học Kiên Giang đã ký hợp tác với Đại học Andalas trong hợp tác giáo dục và nghiên cứu khoa học thuộc đa lĩnh vực như: Nông nghiệp, nông thôn, công nghệ, công nghệ sinh học,...; ký hợp tác với Đại học UTRECHT, Netherlands trong việc trao đổi sinh viên và hợp tác nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực công nghệ, phát triển nông thôn, đô thị và một số lĩnh vực khác và triển khai nhiều dự án nhằm đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất.

2.7. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

Trong hoạt động của ngành giáo dục luôn tạo điều kiện thuận lợi để người dân (học sinh, phụ huynh) và doanh nghiệp tham gia nhiều hơn, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tạo điều kiện để người dân (học sinh, phụ huynh) có thể cập nhật thông tin cần thiết về hoạt động của bộ máy ngành (tiếp cận tin tức), trường (tiếp cận thông tin học sinh).

Cập nhật thông tin trong ứng dụng về quản lý cầu trực tuyến (VBMS); quản lý tài sản đường bộ (RAMS); ứng dụng công nghệ bản đồ số (GIS), công nghệ di động và điện toán đám mây để hiện đại hóa công tác quản lý, giám sát hoạt động bảo trì đường bộ.

Các cơ quan Đảng, chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước,... đều ứng dụng công nghệ thông tin, chữ ký số trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, trao đổi thông tin, phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Đánh giá

3.1. Đánh giá khái quát tình hình thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP

trong năm

Nhìn chung, việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong năm 2021 của tỉnh cơ bản đạt yêu cầu theo Kế hoạch số 55/KH-UBND. Tuy nhiên, do tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh vẫn còn phức tạp, thời gian thực hiện giãn cách xã hội kéo dài nên nhiều hoạt động truyền thông, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia vào đầu tư, kinh doanh trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông và chuyển đổi số gặp nhiều khó khăn.

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đi đúng hướng, trọng tâm; ngành giáo dục luôn gắn liền với hoạt động chuyển đổi số, tích cực tham gia cuộc CMCN 4.0, tận dụng có hiệu quả các cơ hội để thúc đẩy quá trình đổi mới sáng tạo trong quản lý, giảng dạy của công chức, viên chức toàn ngành; giao thông vận tải áp dụng vào công tác quản lý hạ tầng giao thông đường bộ từng bước hiện đại,...

Các chương trình hội thảo, hội nghị về chuyển đổi số và công nghệ mới trong tiến trình phát triển của CMCN 4.0 dự kiến đã không thể tổ chức. Nhiều hoạt động phát triển hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước cũng bị ảnh hưởng và kéo dài tiến độ triển khai. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn hoạt động và doanh thu cũng bị ảnh hưởng nhiều, tăng trưởng âm trước dịch bệnh Covid-19.

Nguồn vốn ngân sách cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, các địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng theo sự phát triển rất nhanh của công nghệ và yêu cầu xã hội.

3.2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân (chủ quan, khách quan) và giải pháp khắc phục

3.2.1. Hạn chế

Công tác tuyên truyền chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Quá trình chuyển đổi số tỉnh còn chậm, thiếu chủ động do hạ tầng phục vụ quá trình chuyển đổi số còn nhiều hạn chế; nhiều doanh nghiệp còn bị động, năng lực tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại còn thấp.

Cơ sở hạ tầng thiết yếu đã được tăng cường đầu tư nhưng vẫn còn hạn chế, chưa đồng bộ, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của địa phương. Chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0 còn hạn chế, chưa đảm bảo, đội ngũ cán bộ KH&CN còn thiếu, đặc biệt là thiếu cán bộ đầu ngành giỏi, cán bộ trẻ có trình độ, chuyên môn cao trong các lĩnh vực chuyên sâu.

3.2.2. Nguyên nhân

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và sự chủ động của một số sở, ban, ngành và các địa phương trên địa bàn tỉnh còn chậm. Trên địa bàn tỉnh đa phần là doanh nghiệp vừa và nhỏ nên hạn chế về nguồn lực.

Với nguồn ngân sách có giới hạn nên việc đầu tư đồng bộ, hiện đại chưa



được hoàn thiện.

3.2.3. Giải pháp khắc phục

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành và kiểm tra giám sát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện. Vận dụng, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp tinh trong công tác đào tạo nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ,... đáp ứng yêu cầu quản lý, sản xuất phù hợp với cuộc CMCN 4.0.

Tăng cường kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu cuộc CMCN 4.0, đặc biệt là trong các tổ chức hoạt động KH&CN công lập, các cơ sở giáo dục,... nhằm nâng cao năng lực đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phù hợp xu thế phát triển của đất nước.

Hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, sử dụng, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu cuộc CMCN 4.0. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp định hướng phát triển trên một số ngành, lĩnh vực ưu tiên, lợi thế của tỉnh.

3.3. Những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 50/NQ-CP

Các cấp ủy Đảng, chính quyền đã tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, quán triệt, tuyên truyền quan điểm, mục tiêu, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung, phương thức tiếp cận cuộc CMCN 4.0 đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và người dân trên địa bàn tỉnh. Công tác quản lý Nhà nước được quan tâm chú trọng nhiều hơn; vận dụng, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp, các ngành, doanh nghiệp chủ động trong tiếp cận, tham gia cuộc CMCN 4.0. Qua đó, đã nâng cao được nhận thức của đại đa số mọi tầng lớp Nhân dân. Chủ động xác định chiến lược, kế hoạch, chương trình,... triển khai thực hiện đúng đắn, phù hợp theo từng ngành, lĩnh vực nhằm phát huy lợi thế so sánh của địa phương.

Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu từng bước theo hướng hiện đại, đồng bộ; tập trung đầu tư phát triển tiềm lực có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, đặc biệt là trong các tổ chức hoạt động KH&CN, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng,... nhằm nâng cao năng lực trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đồng thời định hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu trong tham gia cuộc CMCN 4.0.

Tập trung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng các công nghệ cao, hiện đại từ cuộc CMCN 4.0 về trí tuệ nhân tạo, IoT, Blockchain, Big data, công nghệ số; công nghệ mạng kết nối 5G và sau 5G;... trên các lĩnh vực chủ yếu về phát triển nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, kinh tế biển, môi trường, y tế, giáo dục,...

Chủ động tham gia tích cực trong chuyển đổi số, kinh tế số,... phù hợp với

điều kiện, tình hình thực tế địa phương, đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng các thành tựu của cuộc CMCN 4.0, các công nghệ mới, hiện đại vào các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội, nhất là một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế của tỉnh (nông nghiệp, du lịch, kinh tế biển,...), lấy doanh nghiệp, người dân làm trung tâm cho hoạt động ứng dụng CMCN 4.0. Đổi mới hoạt động giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển; đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số; phát triển đào tạo nghề và đào tạo kỹ năng đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0; hỗ trợ cho lao động khi tham gia đào tạo lại, đào tạo nâng cao chuyên môn và kỹ năng để chuyển đổi công việc; xây dựng và triển khai các chương trình cải thiện kỹ năng số, kỹ năng sáng tạo của lực lượng lao động trong tất cả các lĩnh vực với hình thức phù hợp.

Tập trung đầu tư phát triển tiềm lực, cơ sở hạ tầng thiết yếu theo hướng đồng bộ, hiện đại, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo cho các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, các cơ sở giáo dục,...; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước, cán bộ nghiên cứu khoa học. Tập trung triển khai các nhiệm vụ KH&CN phù hợp với sự phát triển xã hội phục vụ trực tiếp các mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh giai đoạn 2012 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

Tiếp tục triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình,... đã ban hành; chủ động phối hợp với doanh nghiệp nước ngoài có dây chuyền sản xuất tự động thông minh, công nghệ chủ chốt cuộc CMCN 4.0, với doanh nghiệp trong nước có bằng sáng chế, công nghệ xuất khẩu nước ngoài, triển khai các hội thảo chuyển giao công nghệ, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công nghệ mới cho người dân và doanh nghiệp địa phương.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình hội nhập quốc tế, tăng cường thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ các đối tác đối với hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ; tích cực tham gia trong hợp tác với các trường đại học, các viện nghiên cứu trong và ngoài tỉnh; tìm kiếm, tham gia kết nối với các hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vùng, quốc gia và các trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước. Tăng cường hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước để ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học phục vụ phát triển nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chế biến nông sản, phát triển sản phẩm mới, sản phẩm dược liệu và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu, cá nhân trong nước với các đối tác nước ngoài; dành kinh phí thích đáng cho các nhiệm vụ hợp tác phục vụ cho các mục tiêu ưu tiên của tỉnh, thu hút nguồn kinh phí từ nước ngoài thông qua các dự án nghiên cứu tại Việt Nam. Hoàn thiện hơn nữa các cơ chế, chính sách thu hút các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam



ở nước ngoài tham gia vào các chương trình, dự án nghiên cứu, đào tạo nhân lực chất lượng cao, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh ở Việt Nam, trong đó chú trọng đến các nhóm nghiên cứu khoa học trẻ.

Thực hiện phổ cập kỹ năng số, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng cho người dân. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, xây dựng văn hóa số trong cộng đồng; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin, an ninh mạng, chuyển đổi số, thương mại điện tử cho doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0; đào tạo cho cán bộ công chức, viên chức về an toàn thông tin, an ninh mạng, chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0.

Triển khai thực hiện tốt các chương trình, đề án, kế hoạch,... cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp thẩm quyền về chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kiến nghị Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương cần có cơ chế hỗ trợ kinh phí cho các địa phương, đặc biệt là các địa phương chưa cân đối được ngân sách, để các địa phương có đủ nguồn kinh phí triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng Chính quyền điện tử, Đô thị thông minh cấp tỉnh.

Đẩy nhanh việc triển khai xây dựng các CSDL Quốc gia đảm bảo khả năng chia sẻ kết nối, tạo lập nền tảng dữ liệu mở, đảm bảo khả năng tiếp cận cho người dân, doanh nghiệp; kết nối, tích hợp, trao đổi thông tin dữ liệu với các Bộ, ngành, địa phương khác.

Ban hành các quy định về chế độ, chính sách ưu đãi đối với cán bộ chuyên trách về CNTT trong cơ quan nhà nước nhằm thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao làm việc trong các cơ quan nhà nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang kính gửi Bộ Khoa học và Công nghệ./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh
- (Đảng, CQ, ĐT, DNNN tỉnh);
- Liên hiệp các Hội KH và KT tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Trường Đại học Kiên Giang;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Lưu: VT, nvthanh.



Nguyễn Lưu Trung